TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2021/DS-ST Ngày: 22-01-2021 "V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản."	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Kim Xuân;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Hoàng;

2. Bà Nguyễn Thùy Trang;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Ông Trần Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020, về tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp Hòa Bình, xã Hòa T, huyện C, tỉnh Đ;

- **Bị đơn**: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1976;

Địa chỉ ĐKTT: Tổ 8, ấp Tân Bình, xã Tân Nhuận Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ liên hệ: Ấp Hòa Hưng, xã Hòa T, huyện C, tỉnh Đ;

(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn bà L, vắng mặt bị đơn chị H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L trình bày:

Khoảng cuối năm 2016, chị H vay của bà L số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng (trả lãi theo ngày). Khi vay, chị H có làm biên nhận.

Sau đó vài tháng, chị H vay thêm 100.000.000 đồng, với lãi suất như trên. Bà L trả biên nhận cũ cho chị H và yêu cầu chị H ghi lại biên nhận mới, nhập 02 (hai) khoản tiền thành 150.000.000 đồng.

Ngày 19-3-2017 (al), chị H vay thêm 15.000.000 đồng. Bà L yêu cầu chị H ghi lại biên nhận mới có chữ ký của cH chị H là anh Lê Hiếu Thảo. Chị H, ghi lại biên nhận tên Nguyễn Thị Thu H và Lê Hiếu Thảo, tổng kết số nợ là 165.000.000 đồng, chị H ký tên, ghi họ tên. Riêng anh Thảo, chị H hứa, hôm nào anh Thảo đi chợ ngang nhà bà L sẽ ký sau. Sau khi vay thêm tiền, chị H có đóng lãi cho bà L vài tháng, không nhớ số tiền là bao nhiêu, sau đó ngưng trả lãi, chưa trả vốn.

Bà L khởi kiện yêu cầu chị H, cùng cH là anh Thảo liên đới trả cho bà L 165.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Sau đó, bà L thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu chị H trả cho bà số tiền vốn 63.450.000 đồng, tự nguyện bớt số tiền còn lại 101.550.000 đồng, không yêu cầu thêm khoản nào khác, không yêu cầu anh Thảo liên đới cùng chị H trả nợ.

* Bị đơn, chị Nguyễn Thị Thu H, vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn, chị H không chấp hành triệu tập của Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án:

Bà L căn cứ biên nhận ngày 19-3-2017, có chữ ký chị H, kiện yêu cầu chị H trả nợ vay. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn từ chối tham gia tố tụng, từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn trong vụ án. Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị Nguyễn Thị Thu H trả cho bà Nguyễn Ngọc L số tiền 63.450.000 đồng.

Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Đề nghị Tòa án tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 04/2020/QĐ-BPKCTT ngày 09-9-2020 của Tòa án: Phong tỏa tài sản của chị Nguyễn Thị Thu H là số tiền 63.450.000 đồng, hiện Chi cục Thi hành án huyện C đang quản lý, để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H tuy đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn, bà Nguyễn Ngọc L đồng ý và yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Ngọc L yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu H trả cho bà L số tiền vốn 63.450.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Nguyên đơn căn cứ vào biên nhận ngày 19-3-2017 (al), có chữ ký, họ tên của Nguyễn Thị Thu H yêu cầu chị H trả số tiền 63.450.000 đồng (trong tổng số 165.000.000 đồng), không yêu cầu tính lãi, tự nguyện bớt số tiền còn lại 101.550.000 đồng. Bà L trình bày, khoản tiền trên bà cho chị H vay 03 lần, mục đích sửa chữa nhà, làm hàng rào,…

[2.2] Đối với chị H: Trong quá trình làm việc, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ, công khai tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cho chị H biết, nhưng chị H không có văn bản trình bày ý kiến, không phản đối tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn, không cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ về khoản nợ của bà L. Như vậy, chị H đã mặc nhiên chấp nhận lời trình bày và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Qua đó, có căn cứ xác định chị H có vay của bà L số tiền 165.000.000 đồng, chưa trả.

[2.3] Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản:

"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định."

Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: Nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…"

[2.4] Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định lại, thay đổi yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện, chỉ yêu cầu chị H trả số tiền 63.450.000 đồng (trong tổng số 165.000.000 đồng), không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu trả số vốn còn lại là 101.550.000 đồng.

[2.5] Xét thấy, trình bày của nguyên đơn phù hợp tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp. Việc bà L tự nguyện bớt cho bà H số nợ còn lại 101.550.000 là phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ quy định pháp luật trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp quy định của pháp luật, phù hợp các tình tiết của vụ án, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận

nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

[5] Đối với quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời số: 04/2020/QĐ-BPKCTT ngày 09-9-2020 của Tòa án: Phong tỏa tài sản của chị Nguyễn Thị Thu H là số tiền 63.450.000 đồng, hiện Chi cục Thi hành án huyện C đang quản lý, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục duy trì để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của chị H. Số tiền 6.000.000 đồng bà L đã nộp vào tài khoản đảm bảo tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện C, theo Sổ tiết kiệm số 00004959333 tên Nguyễn Ngọc L sẽ được xử lý khi có yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Vì các lẽ trên*;*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, Khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Buộc chị Nguyễn Thị Thu H trả cho bà Nguyễn Ngọc L tiền vốn vay là 63.450.000 đồng (Sáu mươi ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng.)

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 3.172.000 đồng (tính tròn).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Ngọc L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.125.000 đồng, theo biên lai số 0002987 ngày 19-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời số: 04/2020/QĐ-BPKCTT ngày 09-9-2020 của Tòa án: Phong tỏa tài sản của chị Nguyễn Thị Thu H là số tiền 63.450.000 đồng, hiện Chi cục Thi hành án huyện C đang quản lý, để đảm bảo thi hành án.

6. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Báo cho đương sự biết có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Riêng bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự, niêm yết (05 bản);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện C (01 bản);
- Tòa án Tỉnh (01 bản);
- Chi cục Thi hành án Huyện (01 bản);
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án (04 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã Ký)

Kiều Kim Xuân